

THÔNG BÁO
TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỢT 2 NĂM 2025

Căn cứ Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành việc Quy chế Tuyển sinh và Đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 35/2022/GDU/QĐ-HT ngày 15/02/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Gia Định về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Kế hoạch số 07/2025/KH-GDU tuyển sinh trình độ thạc sĩ năm 2025 ngày 21 tháng 01 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Gia Định.

Trường Đại học Gia Định thông báo tuyển sinh trình độ thạc sĩ đợt 2, năm 2025 như sau:

1. Ngành và chỉ tiêu tuyển sinh

Ngành tuyển sinh	Mã ngành	Chỉ tiêu
Luật	8380101	Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo
Quản trị kinh doanh	8340101	

2. Định hướng, thời gian và hình thức đào tạo

- **Định hướng đào tạo:** Theo định hướng ứng dụng;
- **Thời gian đào tạo:** 18 tháng (3 học kỳ);
- **Hình thức đào tạo:** Chính quy, học trực tuyến kết hợp trực tiếp vào các buổi tối trong tuần và các ngày cuối tuần.

3. Phương thức tuyển sinh, đối tượng và điều kiện dự tuyển

3.1. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển dựa vào kết quả tốt nghiệp bậc đại học kết hợp thi tuyển tiếng Anh đầu vào.

3.2. Đối tượng dự tuyển: Thí sinh là công dân Việt Nam, hiện đang không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

3.3. Điều kiện dự tuyển:

3.3.1. Điều kiện xét tuyển: Thí sinh tốt nghiệp hoặc đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) các ngành phù hợp, ngành gần hoặc ngành khác theo quy định tại **Phụ lục I** với ngành đăng ký dự tuyển.

3.3.2. Điều kiện ngoại ngữ: Thí sinh đăng ký dự tuyển phải đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ đầu vào khi có một trong các điều kiện sau:

a) Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế đạt trình độ tương đương bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam (theo quy định tại **Mục 1, Phụ lục II**) hoặc các văn bằng, chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố (theo quy định tại **Mục 2, Phụ lục II**) còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển;

b) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài;

c) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do Trường Đại học Gia Định cấp trong thời gian không quá 02 năm tính từ ngày cấp đến ngày xét tuyển mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam;

d) Điểm thi đánh giá năng lực tiếng Anh đầu vào tại Trường Đại học Gia Định đạt từ 50 điểm trở lên (thang điểm 100).

Lưu ý: Các chứng chỉ ngoại ngữ còn hiệu lực tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển.

3.4. Điều kiện trúng tuyển

3.4.1. Điều kiện trúng tuyển thẳng: Thí sinh hội đủ các điều kiện sau sẽ được xét tuyển thẳng:

- Ứng viên đã tốt nghiệp hoặc đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp trình độ đại học (hoặc tương đương trở lên) với hình thức đào tạo chính quy đạt loại Giỏi trở lên ngành Quản trị kinh doanh, ngành Luật được xét tuyển thẳng khi có nguyện vọng học chương trình Thạc sĩ.

- Đạt điều kiện ngoại ngữ theo quy định tại mục 3.3.2.

3.4.2. Điều kiện trúng tuyển các trường hợp khác: Thí sinh đáp ứng các điều kiện sau:

- Thí sinh phải đạt tổng điểm đánh giá hồ sơ từ **50 điểm** trở lên theo quy định tại **Phụ lục III**;

- Đạt điều kiện ngoại ngữ theo quy định tại mục 3.3.2.

4. Học bổ sung kiến thức: Thí sinh dự tuyển đã tốt nghiệp hoặc đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) các ngành gần hoặc ngành khác phải học bổ sung kiến thức theo quy định tại **Phụ lục I**.

5. Đối tượng và chính sách ưu tiên

5.1. Đối tượng ưu tiên:

a. Người có thời gian công tác hai năm liên tục trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Trong trường hợp này thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

- b. Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;
- c. Anh hùng lao động, anh hùng lực lượng vũ trang;
- d. Người thuộc dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở địa phương được quy định tại Điểm a;
- e. Con liệt sĩ;
- f. Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hóa học.

5.2. Chính sách ưu tiên: Khi xét tuyển, thí sinh thuộc đối tượng ưu tiên đã kể trên (bao gồm cả người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên) được cộng 10 điểm vào điểm kiểm tra đầu vào môn tiếng Anh (thang điểm 100) và được cộng 10 điểm vào tổng điểm đánh giá hồ sơ (thang điểm 100).

6. Kế hoạch tuyển sinh, lệ phí, học phí

6.1. Kế hoạch tuyển sinh

NỘI DUNG	THỜI GIAN
Nhận hồ sơ đăng ký tuyển sinh	Từ ngày thông báo đến hết ngày 25/7/2025
Thời gian học bổ sung kiến thức	Từ ngày 02/6/2025 đến ngày 27/7/2025
Thời gian ôn thi Tiếng Anh	Từ ngày 02/6/2025 đến ngày 27/7/2025
Thi Tiếng Anh đầu vào	Ngày 03/8/2025 (dự kiến)
Xét tuyển hồ sơ	Ngày 08/8/2025 (dự kiến)
Công bố trúng tuyển	Ngày 11/8/2025 (dự kiến)
Nhập học dự kiến	Ngày 25/8/2025 (dự kiến)

6.2. Lệ phí, học phí

TT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN
1	Lệ phí học bổ sung kiến thức	1.500.000đ/môn (3 tín chỉ)
2	Lệ phí xét tuyển	1.000.000đ
3	Lệ phí nhập học	500.000đ
4	Lệ phí ôn thi tiếng Anh đầu vào	1.000.000đ
5	Lệ phí dự thi tiếng Anh đầu vào	500.000đ
6	Học phí	24.000.000đ/ky ~ 1.200.000 đ/tín chỉ

6.3. Chính sách học bổng

TT	NỘI DUNG	HỌC BỔNG
1	Cựu sinh viên GDU vào học	20% học phí HKI
2	Bản thân và con em Thầy Cô, CBNV trong hệ thống Tập đoàn Nguyễn Hoàng (đủ thời gian công tác theo quy định)	50% khóa học

7. Hồ sơ đăng ký:

- Phiếu đăng ký dự tuyển (mẫu SDH/TS/BM01).
- Đơn đăng ký dự tuyển (mẫu SDH/TS/BM02)
- Sơ yếu lý lịch (mẫu SDH/TS/BM03) có xác nhận của cơ quan hoặc chính quyền nơi cư trú.
- Bản sao công chứng Bằng tốt nghiệp đại học.
- Bản sao công chứng bảng điểm đại học.
- Giấy chứng nhận các môn học bổ sung kiến thức (nếu có).
- Giấy xác nhận thời gian công tác (nếu có) (mẫu SDH/TS/BM04)
- Giấy khám sức khỏe (không quá 06 tháng).
- Bản sao hợp lệ giấy tờ hợp pháp về đối tượng ưu tiên.
- Bản sao công chứng CMT/CCCD.
- 03 ảnh 3x4 (mẫu SDH/TS/BM05).

8. Địa điểm phát hành và nhận hồ sơ đăng ký dự thi

- **Viện Đào tạo Sau Đại học – Trường Đại học Gia Định**

Địa chỉ: Tầng trệt, tòa M – 371 Nguyễn Kiệm, P.03, Q. Gò Vấp,
TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại/Zalo: **0966 12 10 18** (hotline);

0828 972 799 – ThS. Thiều Hạnh Huy



- Đăng ký hồ sơ dự thi trực tuyến: người dự tuyển đăng ký trực tuyến theo đường dẫn (hoặc quét mã QR): <https://forms.office.com/r/bv3VUXgz2a>

Nơi nhận:

- BGH (để biết);
- Website, các Khoa (để phối hợp);
- Lưu: HCNS; V.SDH.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
GIA ĐỊNH
TRỊNH HỮU CHUNG



PHỤ LỤC I
MỤC NGÀNH PHÙ HỢP, NGÀNH GẦN, NGÀNH KHÁC VÀ YÊU CẦU BỔ SUNG KIẾN THỨC

1. Chương trình Thạc sĩ Luật (mã ngành: 8380101)

TT	Nhóm	Tên nhóm ngành	Tên ngành bậc đại học	Mã ngành	Yêu cầu Bổ sung kiến thức
1	Ngành phù hợp	Luật	Luật	7380101	Không
			Luật hiến pháp và luật hành chính	7380102	
			Luật dân sự và tố tụng dân sự	7380103	
			Luật hình sự và tố tụng hình sự	7380104	
			Luật kinh tế	7380107	
			Luật quốc tế	7380108	
2	Ngành gần	Khoa học chính trị	Chính trị học	7310201	1. Luật hiến pháp (3 tín chỉ) 2. Luật hành chính (3 tín chỉ) 3. Luật dân sự (3 tín chỉ) 4. Luật hình sự (3 tín chỉ)
			Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	7310202	
			Quản lý nhà nước	7310205	
			Báo chí	7320101	
		Báo chí và truyền thông	Truyền thông đa phương tiện	7320104	
			Truyền thông đại chúng	7320105	
		An ninh và trật tự xã hội	Quản lý nhà nước về an ninh trật tự	7860109	
			Thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp	7860111	
		Quản trị - Quản lý	Tham mưu, chỉ huy công an nhân dân	7860112	
			Quản lý công	7340401	

TT	Nhóm	Tên nhóm ngành	Tên ngành bậc đại học	Mã ngành	Yêu cầu Bổ sung kiến thức
3	Ngành khác	Khoa học chính trị Báo chí và truyền thông	Quan hệ quốc tế	7310206	1. Luật hiến pháp (3 tín chỉ) 2. Luật hành chính (3 tín chỉ) 3. Luật dân sự (3 tín chỉ) 4. Luật hình sự 5. Lý luận chung nhà nước và pháp luật (3 tín chỉ) 6. Luật doanh nghiệp (3 tín chỉ) 7. Công pháp quốc tế (3 tín chỉ) 8. Tư pháp quốc tế (3 tín chỉ)
			Truyền thông quốc tế	7320107	
			Quan hệ công chúng	7320108	
		An ninh và trật tự xã hội	Trình sát an ninh	7860101	
			Trình sát cảnh sát	7860102	
			Trình sát kỹ thuật	7860103	
			Điều tra hình sự	7860104	
			Kỹ thuật Công an nhân dân	7860107	
			Kỹ thuật hình sự	7860108	
			Quản lý trật tự an toàn giao thông	7860110	
			Phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ	7860113	
			Hậu cần công an nhân dân	7860116	
			Tình báo an ninh	7860117	
		Quân sự (78602)	Tất cả các ngành		

(Bắt cứ học phân nào trong yêu cầu bổ sung kiến thức mà thí sinh đã hoàn tất học phần tương đương trong chương trình đào tạo bậc đại học thì được miễn học phần đó).

2. Chương trình Thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh (mã ngành 8340101)

TT	Nhóm	Tên ngành bậc đại học	Mã ngành	Yêu cầu Bổ sung kiến thức
1	Ngành phù hợp	Quản trị kinh doanh	7340101	Không
		Marketing	7340115	
		Kinh doanh quốc tế	7340120	
		Kinh doanh thương mại	7340121	
2	Ngành gần	Kinh tế học	73101	1. Quản trị chiến lược (3 tín chỉ) 2. Quản trị Marketing (3 tín chỉ) 3. Quản trị nguồn nhân lực (3 tín chỉ)
		Tài chính – Ngân hàng	7340201	
		Kế toán	7340301	
		Kiểm toán	7340302	
		Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	
		Quản trị khách sạn	7810201	
3	Ngành khác	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	7810202	1. Marketing căn bản (3 tín chỉ) 2. Quản trị học (3 tín chỉ) 3. Nguyên lý kế toán (3 tín chỉ) 4. Lý thuyết tài chính (3 tín chỉ) 5. Quản trị Marketing (3 tín chỉ) 6. Quản trị chiến lược (3 tín chỉ) 7. Quản trị nguồn nhân lực (3 tín chỉ)
		Bảo hiểm	7340204	
		Tất cả các nhóm ngành/ ngành khác		

(Bất cứ học phần nào trong yêu cầu bổ sung kiến thức mà thí sinh đã hoàn tất học phần tương đương trong chương trình đào tạo bậc đại học thì được miễn học phần đó).





PHỤ LỤC II

VĂN BẰNG, CHỨNG CHỈ, CHỨNG NHẬN ĐƯỢC CÔNG NHẬN ĐẠT CHUẨN TRÌNH ĐỘ B1 VÀ B2

1. Bảng tham chiếu quy đổi một số văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ tương đương Bậc 3, Bậc 4 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam áp dụng trong tuyển sinh và đào tạo trình độ Thạc sĩ ban hành kèm theo **Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ.**

TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ/Văn bằng	Trình độ/Thang điểm	
			Tương đương Bậc 3	Tương đương Bậc 4
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	30-45	46-60
		TOEFL ITP	450 - 499	500 - 626
		IELTS	4.0 - 5.0	5.5 - 6.5
		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm: 140-159	B2 First/B2 Business Vantage/ Linguaskill. Thang điểm: 160-179
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275-399 Đọc: 275-384 Nói: 120-159 Viết: 120-149	Nghe: 400-489 Đọc: 385-454 Nói: 160-179 Viết: 150-179
		APTIS ESOL International Certificate ¹	B1	B2
		Pearson English International Certificate (PEIC) ²	Level 2	Level 3
		VSTEP	Level 3 (4.0-5.5)	Level 4 (6.0-8.0)
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance Française Diplomas	TCF: 300 – 399 Văn bằng DELF B1 Diplôme de Langue	TCF: 400 - 499 Văn bằng DELF B2 Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe - Institut	Goethe – Zertifikat B1	Goethe – Zertifikat B2
		The German TestDaF Language	TestDaF Bậc 3 (TDN 3)	TestDaF Bậc 4 (TDN 4)
4	Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bậc 3	HSK Bậc 4
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N4	N3
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному	ТРКИ-1	ТРКИ-2

¹ Theo Quyết định số 925/QĐ-BGDĐT ngày 31 tháng 03 năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

² Theo Quyết định số 93/QĐ-BGDĐT ngày 05 tháng 01 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Danh sách các trường cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (chứng chỉ Tiếng Anh 6 bậc) theo **Thông báo 1098/TB-QLCL ngày 07 tháng 7 năm 2023 của Cục quản lý Chất lượng thông báo Danh sách các đơn vị cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin, chứng chỉ năng lực ngoại ngữ theo Khung năng lực 6 bậc dùng cho Việt Nam và chứng chỉ năng lực tiếng Việt theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài:**

TT	Tên đơn vị
1	Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
2	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế
3	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội
4	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng
5	Đại học Thái Nguyên
6	Trường Đại học Cần Thơ
7	Trường Đại học Hà Nội
8	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
9	Trường Đại học Vinh
10	Trường Đại học Sài Gòn
11	Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh
12	Trường Đại học Trà Vinh
13	Trường Đại học Văn Lang
14	Trường Đại học Quy Nhơn
15	Trường Đại học Tây Nguyên
16	Học viện An ninh nhân dân
17	Học viện Báo chí và Tuyên truyền
18	Trường Đại học Công thương Thành phố Hồ Chí Minh
19	Trường Đại học Thương mại
20	Học viện Khoa học quân sự
21	Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh
22	Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh
23	Học viện Cảnh sát nhân dân
24	Đại học Bách Khoa Hà Nội
25	Trường Đại học Nam Cần Thơ
26	Trường Đại học Ngoại thương
27	Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh
28	Trường Đại học Kinh tế quốc dân
29	Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh
30	Trường Đại học Lạc Hồng
31	Trường Đại học Đồng Tháp

TT	Tên đơn vị
32	Trường Đại học Duy Tân
33	Trường Đại học Phenikaa
34	Học viện Ngân hàng
35	Trường Đại học Kinh tế Tài chính - Marketing
36	Trường Đại học Thành Đông





PHỤ LỤC III

THÔNG TIN XẾP LOẠI VÀ QUY ĐỔI ĐIỂM TỐT NGHIỆP CỦA ỨNG VIÊN Ở BẠC ĐẠI HỌC (Tổng điểm đánh giá tối đa: 90 điểm)

Quy định tính điểm xét hồ sơ dựa vào xếp loại hoặc điểm trung bình tích lũy như sau:

- Xếp loại Trung bình hoặc điểm trung bình tích lũy từ 5,0 đến 5,9: **50 điểm**;
- Xếp loại Trung bình – Khá hoặc điểm trung bình tích lũy từ 6,0 đến 6,9: **60 điểm**;
- Xếp loại Khá hoặc điểm trung bình tích lũy từ 7,0 đến 7,9: **70 điểm**;
- Xếp loại Giỏi hoặc điểm trung bình tích lũy từ 8,0 đến 8,9: **80 điểm**;
- Xếp loại Xuất sắc hoặc điểm trung bình tích lũy từ 9,0 đến 10,0: **90 điểm**.

Lưu ý:

- Đối với kết quả học tập không sử dụng thang điểm trung bình chung tích lũy tốt nghiệp hệ 10 thì sử dụng kết quả xếp loại tốt nghiệp để tính điểm cho mục này;
- Tiêu chí khác (không bắt buộc): Các giải thưởng cấp quốc gia (**5 điểm**), tham gia bài báo khoa học được các tổ chức uy tín công nhận (**5 điểm**), đã tốt nghiệp thạc sĩ, tiến sĩ được cấp bởi các cơ sở đào tạo quốc tế uy tín hoặc các cơ sở đào tạo trong nước được Bộ giáo dục và đào tạo công nhận (**5 điểm**). Điểm cộng tối đa là 15 điểm. Sau khi cộng điểm, điểm đánh giá cuối cùng sẽ được làm tròn thành **100 điểm**.